

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 15- 9-2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Vân.

2. Ông Dương Văn Thoi.

- Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Giáp Thị L, sinh năm 1977 (có mặt)

* *Bị đơn:* Anh Giáp Văn H, sinh năm 1976 (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn Chàng, xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Bắc Giang

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã Việt Tiến do ông Nguyễn Việt Hùng, chủ tịch UBND xã là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Giáp Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Giáp Văn H là người cùng thôn. Qua một thời gian tìm hiểu nhau, hai bên có tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Hà Bắc (nay là xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Bắc Giang) vào ngày 01/12/1993. Tại thời điểm chị và anh H đăng ký kết hôn thì cả hai vợ chồng đều không đủ tuổi đăng ký kết hôn nên vợ chồng chị đã khai năm sinh không đúng với năm sinh thực tế của vợ chồng để đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Cụ thể, chị thực chất sinh năm 1977 nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn khai sinh năm 1976 còn

anh H thực chất sinh năm 1976 nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn khai sinh năm 1973. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và chung sống với nhau ngay. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu bình thường sau xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra xô xát, cãi cọ nhau. Mâu thuẫn xảy ra thì hai bên gia đình có hòa giải nhưng không thành. Chính quyền địa phương không hòa giải gì. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị và anh H đồng thời hủy giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/12/1993 do UBND xã Việt Tiến, huyện V, Bắc Giang chứng nhận cho chị và anh H không công nhận chị và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Chị xác định chị và anh H có 2 con chung là Giáp Văn Hùng, sinh năm 1994 và Giáp Hoài Linh, sinh năm 2001. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Chị xác định vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn là anh Giáp Văn H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị L đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Hà Bắc (nay là xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Bắc Giang) vào ngày 01/12/1993. Khi đó anh và chị L chưa đủ tuổi đăng ký nên cả hai đã khai năm sinh khác với năm sinh trong chứng minh thư nhân dân để được đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và chung sống với nhau ngay. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu bình thường sau xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, suy nghĩ trái ngược nhau nên thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh và chị L và hủy giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/12/1993 do UBND xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Bắc Giang, không công nhận anh và chị L là vợ chồng, anh hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Anh xác định anh và chị L có hai con chung đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức, quyền, nghĩa vụ về tài sản: Anh xác định không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh bận công việc nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên toà hôm nay, chị Giáp Thị L vẫn giữ yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị và anh Hiền, hủy giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/12/1993 do UBND xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Hà Bắc (nay là xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Bắc Giang) chứng nhận cho vợ chồng chị, không công nhận chị và anh H là vợ chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân xã Việt Tiến do ông

Nguyễn Việt Hùng, chủ tịch UBND xã là người đại diện theo pháp luật trình bày: Nguyên nhân dẫn đến việc đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn khi chị L anh H chưa đủ tuổi là do cán bộ Tư pháp sơ suất, nhầm lẫn. Nay chị L đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật và hủy giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/12/1993 do UBND xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Hà Bắc (nay là xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Bắc Giang) cấp cho chị L anh H. Ông đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 4, Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 10, 11, 12 luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn một số điều của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị L; Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Giáp Thị L và anh Giáp Văn H; Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 01/12/1993 của UBND xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang). Không công nhận chị Giáp Thị L và anh Giáp Văn H là vợ chồng.

Về án phí: Chị Giáp Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Khi nộp đơn khởi kiện, chị Giáp Thị L xác định hôn nhân là hợp pháp, chị xin được ly hôn anh Giáp Văn H. Khi đó giữa chị L và anh H có tranh chấp về quan hệ hôn nhân. Anh H hiện cư trú tại thôn Chàng, xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý vụ án là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị L thay đổi yêu cầu là hợp lệ cần được chấp nhận.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Các đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên

Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định đã đăng ký kết hôn tại UBND Việt Tiến, huyện V, tỉnh Hà Bắc vào ngày 01/12/1993. Tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 01/12/1993 mục Họ tên vợ: Giáp Thị L; Sinh ngày: 1976; Họ tên chồng: Giáp Văn H; Sinh ngày: 1973. Tuy nhiên theo chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu chị Giáp Thị L sinh năm 1977, anh Giáp Văn H, sinh năm 1976. Theo chị L anh H khai, thời điểm đăng ký kết hôn, anh chị cố tình khai sai tuổi để đủ điều kiện kết hôn. Đại diện UBND xã Việt Tiến xác nhận do sơ suất, nhầm lẫn nên đăng ký kết hôn cho chị L, anh H không đúng. Có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn cả chị L và anh H đều chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm vào Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Cả chị L và anh H đều đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 hướng dẫn một số điều của luật hôn nhân gia đình năm 2014. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Ngoài yêu cầu trên các bên đương sự không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Giáp Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 4, Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 10, 11, 12 luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn một số điều của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị L; Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Giáp Thị L và anh Giáp Văn H; Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 01/12/1993 của UBND xã Việt Tiến, huyện V, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang). Không công nhận chị Giáp Thị L và anh Giáp Văn H là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Giáp Thị L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0001169 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Việt Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Văn Hiếu